

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ĐẾN CUỐI THÁNG 6 NĂM 2012**

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KÌ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	15.038.737.350	14.643.701.429
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.203.846.051	810.884.092
1. Tiền	111	2.203.846.051	810.884.092
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.370.352.686	2.393.926.891
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.370.352.686	2.393.926.891
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.253.146.479	6.709.496.188
1. Phải thu của khách hàng	131	3.498.559.975	6.002.734.887
2. Trả trước cho người bán	132	104.938.614	693.609.045
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng XD	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	684.317.890	47.822.256
6. Dự phòng các khoản PT ng/hạn khó đòi	139	(34.670.000)	(34.670.000)
IV. Hàng tồn kho	140	2.872.893.880	4.588.393.717
1. Hàng tồn kho	141	2.872.893.880	4.588.393.717
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	338.498.254	141.000.541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu	154	-	9.993.117
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	338.498.254	131.007.424
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.367.601.109	2.264.889.550
I. Các khoản thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Các khoản phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	1.350.257.410	1.280.578.889
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1.297.257.410	1.231.364.601
- Nguyên giá	222	3.511.687.465	3.530.146.465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.214.430.055)	(2.298.781.864)
2. Tài sản cố định đi thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	53.000.000	49.214.288
- Nguyên giá	228	53.000.000	53.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	(3.785.712)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	-

III. Bất động sản đầu tư	240	-	
1. Nguyên giá	241	-	
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.012.693.698	984.310.661
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào CT liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	1.032.993.400	1.004.610.363
4. Dự phòng giảm giá CK ĐT dài hạn	259	(20.299.702)	(20.299.702)
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.650.001	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.650.001	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	17.406.338.459	16.908.590.979

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KÌ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	5.272.927.604	4.001.881.496
I. Nợ ngắn hạn	310	5.248.191.319	3.982.374.211
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	131.363.000	283.887.600
2. Phải trả cho người bán	312	3.259.857.999	2.584.050.230
3. Người mua trả tiền trước	313	-	100.515.315
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	576.700.959	688.361.418
5. Phải trả người lao động	315	353.869.131	263.219.422
6. Chi phí phải trả	316	35.000.000	-
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH HĐ XD	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	701.413.757	27.702.153
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	189.986.473	34.638.073
II. Nợ dài hạn	330	24.736.285	19.507.285
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	24.736.285	19.507.285
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	12.133.410.855	12.906.709.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	12.133.410.855	12.906.709.483
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11.000.000.000	11.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của CSH	413	112.410.011	112.410.011
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	746.881.467	746.881.467

8. Quỹ dự phòng tài chính	418	260.851.091	260.851.091
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13.268.286	786.566.914
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	17.406.338.459	16.908.590.979

Phan Thiết, ngày 3 tháng 7 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Khoa Tuyên

Nguyễn Văn So

CÔNG TY CP SÁCH-THIẾT BỊ BÌNH THUẬN

70 Nguyễn Văn Trỗi, TP.Phan Thiết - Bình Thuận

ĐT: 062 3816118; Fax: 062 3817595.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MS	TM	QUÝ 2/2012 NĂM NAY	QUÝ 2/2011 NĂM TRƯỚC	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1 Doanh thu bán hàng và CCDV	01	VI.2	16.378.813.122	14.946.586.536	19.257.507.574	17.762.919.291
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		75.824.353	64.260.221	265.137.358	146.825.887
3 Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		16.302.988.769	14.882.326.315	18.992.370.216	17.616.093.404
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	14.187.678.173	12.668.755.483	16.379.615.178	14.974.328.970
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		2.115.310.596	2.213.570.832	2.612.755.038	2.641.764.434
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		277.993.184	163.967.650	520.192.643	354.122.900
7 Chi phí tài chính	22		21.379.656	33.155.249	28.424.356	40.067.949
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>21.379.656</i>	<i>6.160.000</i>	<i>28.424.356</i>	<i>12.972.300</i>
8 Chi phí bán hàng	24		1.226.395.929	1.211.335.318	1.561.004.465	1.495.794.619
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		321.379.016	334.466.740	488.662.341	525.664.647
10 Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	30		824.149.179	798.581.175	1.054.856.519	934.360.119
11 Thu nhập khác	31		6.277.611	10.521.960	7.640.081	11.151.870
12 Chi phí khác	32		15.040.281	13.550.060	28.642.049	26.999.739
13 Lợi nhuận khác	40		(8.762.670)	(3.028.100)	(21.001.968)	(15.847.869)
14 Tổng lợi nhuận trước thuế	50		815.386.509	795.553.075	1.033.854.551	918.512.250
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.3	202.538.652	198.275.769	260.555.923	232.377.738
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.3	-	-	-	-
17 Tổng lợi nhuận sau thuế	60		612.847.857	597.277.306	773.298.628	686.134.512
18 Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu	70					

CHỈ TIÊU	MS	TM	QUÝ 2/2012 NĂM NAY	QUÝ 2/2011 NĂM TRƯỚC	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
----------	----	----	-----------------------	-------------------------	---	---

Kế toán trưởng

Phan Thiết, ngày 7 tháng 7 năm 2012
Giám đốc

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Văn So

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
QUÝ 2 NĂM 2012**

Chỉ tiêu	MS	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng,CCDC và doanh thu khác	01	12 555 130 663	9 875 543 152
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	- 14 892 746 505	- 9 850 100 870
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	- 523 414 151	- 134 999 200
4. Tiền chi trả lãi vay	04	- 21 379 656	- 6 027 800
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	- 58 072 279	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	99 967 770	29 928 764
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	- 904 760 751	- 196 305 681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	- 3 745 274 909	- 281 961 635
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	- 815 000 000	- 15 000 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134 333 849	41 833 450
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	- 680 666 151	26 833 450

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1 667 524 600	50 850 900
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 1 640 000 000	- 12 000 000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27 524 600	38 850 900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	- 4 398 416 460	- 216 277 285
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7 603 227 443	2 394 933 748
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	3 204 810 983	2 178 656 463

Phan Thiết, ngày 3 tháng 7 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Văn So

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 THÁNG NĂM 2012

I. Đặc điểm hoạt động

Hình thức sở hữu vốn:

CTy Cổ phần vốn góp, trong đó Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (DNNN) nắm giữ 40 % vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

1. Bán buôn đồ dùng khác (sách giáo khoa).
2. Bán buôn thiết bị khác (thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm)
3. Sản xuất thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm.
4. In ấn.
5. Dịch vụ liên quan đến in (phát hành các loại ấn phẩm)
6. Hoạt động dịch vụ tài chính khác (đầu tư vốn hoạt động tài chính: Chứng khoán, cổ phần)
7. Mở siêu thị, cho thuê văn phòng
8. Xây dựng nhà các loại
9. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp)
10. Bán buôn vật liệu xây dựng
11. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan (tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng)

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư 244/2009/TT-BTC và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích

lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của BTC.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	5 – 7

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và DV đã nhận được không phụ thuộc vào việc CTy đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Quỹ tiền lương

Quy lương năm 2011 do Hội đồng quản trị duyệt theo đơn giá tiền lương là 880đ/1.000đ lợi nhuận trước thuế.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Đối với Sách giáo khoa, Sách tham khảo thuộc đối tượng không chịu thuế; đối với Thiết bị văn phòng, Tủ điện áp dụng mức thuế suất 5%; còn đối với thiết bị tài liệu khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

6/30/2012

6/30/2011

-Tiền mặt		240.580.000	257.122.002
-Tiền gửi ngân hàng		570.304.092	377.164.670
-Tiền đang chuyển		-	-
Cộng		810.884.092	634.286.672

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	6/30/2012		6/30/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết)		-	-	-
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết)		-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác		2.393.926.891	-	4.821.965.291
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-	-
Cộng		2.393.926.891		4.821.965.291

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	6/30/2012	6/30/2011
-Phải thu về cổ phần hóa		
-Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
-Phải thu người lao động		-
+Phải thu khác	47.822.256	3.475.200
Cộng:	47.822.256	3.475.200

4. Hàng tồn kho

	6/30/2012	6/30/2011
-Hàng Hoá	4.588.393.717	6.290.602.000
-Hàng gửi đi bán		
Cộng:	4.588.393.717	6.290.602.000

5. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	12.310.924	72.285.254
Thuế TN cá nhân	9.993.117	
Tài sản thiếu chờ xử lý		870.091
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	118.696.500	342.904.500
Cộng:	141.000.541	416.059.845

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.159.880.310	750.794.469	503.815.777	3.414.490.556
-Tăng trong kỳ	47.742.727		67.913.182	115.655.909
-Giảm trong kỳ		-		
Số dư cuối kỳ:	2.207.623.037	750.794.469	571.728.959	3.530.146.465
Khấu hao (lũy kế)	-			
Số dư đầu năm	1.296.937.770	457.043.023	460.449.262	2.214.430.055
-Khấu hao trong kỳ	48.568.157	22.889.724	12.893.927	84.351.808
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	1.345.505.927	479.932.747	473.343.189	2.298.781.863
Gía trị còn lại	-			
Số đầu năm	959.568.990	339.530.895	73.436.539	1.372.536.424
Số cuối kỳ: (30/6/2012)	862.117.110	270.861.722	98.385.770	1.231.364.602

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2012 là:

428.639.340

* CTy CP Nước khoáng Vĩnh Hảo (20.000CP)

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ...	-	23.687.144
Cộng:	-	23.687.144

10. Vay và nợ ngắn hạn	6/30/2012	6/30/2011
- Ngân hàng Công Thương Bình Thuận	-	-
- Vay CBNV trong Công ty	283.887.600	210.232.900
Cộng:	283.887.600	210.232.900

Lãi suất vay của cán bộ nhân viên điều chỉnh theo mức lãi suất bình quân giữa tiền vay và tiền gửi do ngân hàng Công thương Việt Nam công bố từng thời điểm.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6/30/2012	6/30/2011
-Thuế TNDN	642.225.107	224.071.694
-Thuế GTGT	46.136.311	
-Thuế Thu nhập cá nhân		
Cộng:	688.361.418	224.071.694

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6/30/2012	6/30/2011
-Kinh phí công đoàn	18.876.093	15.966.428
-Bảo hiểm Xã hội		9.227.459
-BHYT, BHTN		105.866
-Kiểm kê hàng hóa thừa	6.226.060	
-Cổ tức phải trả		
-Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.600.000	1.105.000
Cộng:	27.702.153	26.404.753

13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VĐL)	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2011:	11.000.000.000	112.410.011	580.517.087	223.916.363	5.999.406
Tăng trong năm			166.364.380	36.934.728	1.846.736.398
Giảm trong năm					(1.839.467.518)
Số dư tại 31/12/2011:	11.000.000.000	112.410.011	746.881.467	260.851.091	13.268.286
Số dư tại 1/1/2012:	11.000.000.000	112.410.011	746.881.467	260.851.091	13.268.286
Tăng trong năm			-	-	786.566.914
Giảm trong năm			-	-	-
Số dư tại 31/3/2012:	11.000.000.000	112.410.011	746.881.467	260.851.091	799.835.200

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	6/30/2012	6/30/2011
Vốn đầu tư của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng:	11.000.000.000	11.000.000.000

Cổ phiếu	6/30/2012	6/30/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu thường	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu thường	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VNĐ	10.000	10.000

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6/30/2012	6/30/2011
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	13.268.286	5.999.406
Lợi nhuận sau thuế TNDN	773.298.628	686.134.512
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-
<i>Thuế TNDN được giảm 30% bổ sung quỹ ĐTPT</i>		
<i>Trích quỹ ĐTPT</i>		
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>		
<i>Trích quỹ khen thưởng G.đốc</i>		
<i>Trích quỹ khen thưởng Tổng GD</i>		
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trong đó CBNV 25%)</i>		
<i>Chia cổ tức</i>		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối :	786.566.914	692.133.918

14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6/30/2012	6/30/2011
Tổng doanh thu	19.257.507.574	17.762.919.291
+ Doanh thu bán Sách giáo khoa	14.542.637.879	11.365.347.090
+ Doanh thu bán Sách tham khảo	908.205.659	713.623.208
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục	1.735.751.869	4.299.584.423
+ Doanh thu bán hàng hóa khác	2.070.912.167	1.375.397.297
+ Doanh thu dịch vụ		8.967.273
Các khoản giảm trừ doanh thu	265.137.358	146.825.887
+ Chiết khấu thương mại	256.733.955	131.729.674
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	8.403.403	15.096.213
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.992.370.216	17.616.093.404

15. Giá vốn hàng bán	6/30/2012	6/30/2011
+ Giá vốn sách giáo khoa	12.784.362.664	9.730.568.980
+ Giá vốn sách tham khảo	639.454.042	482.108.919
+ Giá vốn thiết bị giáo dục	1.376.537.615	3.690.549.644
+ Giá vốn hàng hóa khác	1.579.260.857	1.071.101.427

+ Giá vốn dịch vụ	-	-
Cộng	16.379.615.178	14.974.328.970
16. Doanh thu hoạt động tài chính	6/30/2012	6/30/2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	369.133.308	338.122.900
Chiết khấu thanh toán	131.059.335	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	20.000.000	16.000.000
Cộng	520.192.643	354.122.900
17. Chi phí hoạt động tài chính	6/30/2012	6/30/2011
Lãi tiền vay	28.424.356	12.972.300
Chiết khấu thanh toán	-	27.095.649
Cộng	28.424.356	40.067.949
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ : (30/6/2012)	6/30/2011	
- Chi phí thuế TNDN hiện hành:	260.555.923	232.377.738
- Lợi nhuận sau thuế TNDN:	773.298.628	686.134.512
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	703	
20. Cổ tức năm 2012 (15%/VĐL)		
21. Thông tin về các bên liên quan		
Công ty CP Sách TB Giáo dục Miền Nam	CTy Thành viên NXBGDVN (Nhà đầu tư)	
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	-	
Công ty CP Sách -Thiết bị TP.HCM	-	
CTy CP Đầu tư-Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	
Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm: (Đến 31/03/2012)		
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Mua hàng		15.161.969.687
Công ty CP Sách TB G.dục Miền Nam	Cung ứng Sách giáo khoa, TBGD	9.226.244.163
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Sách tham khảo,ấn phẩm GD...	112.457.210
Công ty CP Sách -Thiết bị TP.HCM	Sách , thiết bị giáo dục...	912.669.130
CTy CP Đầu tư-Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách hỗ trợ, sách TK...	4.910.599.184

Phan Thiết, ngày 3 tháng 7 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Khoa Tuyền

Nguyễn Văn So